

Số: /2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5169/TTr-STNMT ngày 24 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3207/BC-STP ngày 09 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Ninh Hải, Ninh

Phước, Thuận Nam và thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Vĩnh Hải, Thanh Hải, Khánh Hải, Đông Hải, An Hải, Phước Dinh và Cà Ná, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Biên và Hải đảo Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Báo Ninh Thuận, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;
- VPUB: LĐ, KTTH, TCD, VXNV, Công báo;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Mục tiêu

Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nhằm bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp; bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Khi lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án phải đối chiếu với phạm vi, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển để bảo đảm không ảnh hưởng đến mục tiêu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển và vi phạm các hoạt động bị nghiêm cấm và các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này.

Chương II NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 5. Hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận là dải đất ven biển được thiết lập tại 09 khu vực theo Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020

của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận gồm ranh giới ngoài và ranh giới trong được quy định tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận.

3. Hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển gồm:

a) Quyết định số 379/QĐ-UBND và các tài liệu kèm theo gồm: Báo cáo Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận; tập bản đồ gồm 09 mảnh bản đồ các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận, tỷ lệ 1:10.000 (dạng giấy và dạng số), hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° ;

b) Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt và công bố Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm tỉnh Ninh Thuận và các tài liệu kèm theo gồm: Báo cáo kết quả xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm tỉnh Ninh Thuận; tập bản đồ 14 mảnh bản đồ Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm các huyện, thành phố có biển, tỷ lệ 1:10.000 (dạng giấy và dạng số), hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° ;

c) Quyết định số 14/QĐ-UBND và các tài liệu kèm theo gồm: Báo cáo xác định chiều rộng và ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận; tập bản đồ gồm 09 mảnh thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận, tỷ lệ 1:10.000 (dạng giấy và dạng số), hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

Điều 6. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được dùng để xác định ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên thực địa.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT.

3. Hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển gồm:

a) Sơ đồ vị trí và bảng thống kê các vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận được quy định tại Phụ lục 06 và Phụ lục 07 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT;

b) Bản đồ vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận đã được hiệu chỉnh trên thực địa, tỷ lệ 1:5.000 (dạng giấy và dạng số), hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

4. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển:

a) Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới;

b) Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hàng năm và có phương án khôi phục mốc giới bị hư hỏng, bảo đảm đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ đã được lưu trữ.

Điều 7. Lưu trữ, bảo quản, cung cấp, khai thác hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hồ sơ gốc hành lang bảo vệ bờ biển và hồ sơ gốc mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được lưu trữ, bảo quản tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Việc lưu trữ, bảo quản, cung cấp, khai thác thông tin dữ liệu từ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển và hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được thực hiện theo quy định của pháp luật về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 8. Quản lý các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

Điều 9. Phối hợp quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các tổ chức, cá nhân có diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ bờ biển, tiếp giáp với hành lang bảo vệ bờ biển, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung có liên quan trong việc cấm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác, sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kịp thời các thay đổi của hành lang bảo vệ bờ biển để các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập cập nhật các thay đổi vào quy hoạch, kế hoạch.

3. Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập, khi lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án phải đối chiếu với phạm vi, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển để bảo đảm không ảnh hưởng đến mục tiêu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển và vi phạm các hoạt động bị nghiêm cấm và các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này.

Điều 10. Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

Việc điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

Điều 11. Xử lý vi phạm hành lang bảo vệ bờ biển

Các hành vi vi phạm quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển bị xử phạt theo các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Quy định này;

b) Lưu trữ, bảo quản hồ sơ gốc hành lang bảo vệ bờ biển và hồ sơ gốc mốc giới bảo vệ bờ biển; cung cấp các tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

d) Tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng;

đ) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trong các trường hợp được quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP;

g) Định kỳ hàng năm, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

2. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành và địa phương nơi có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển từ dự toán đầu năm theo quy định và trong khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan thẩm định các dự án đầu tư có liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

4. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan thẩm định quy hoạch xây dựng các dự án đầu tư có liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Sở Thông tin và Truyền thông: Tổ chức hướng dẫn các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển. Chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Quy định này.

2. Xử lý các hành vi vi phạm quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Định kỳ hàng năm, báo cáo công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp báo cáo chung.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Quy định này.

2. Xử lý các hành vi vi phạm quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

3. Niêm yết công khai Bản đồ thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

4. Định kỳ hàng năm, báo cáo công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương, gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp báo cáo chung.

Điều 15. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Quy định này.

2. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên trong phạm vi, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và Quy định này.

**Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập phối hợp triển khai thực hiện Quy định này.

3. Các nội dung không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và quy định pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế./.